TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành.

2. Ông Lê Công Nhận.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1971.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1968.

Đều cư trú tại: Thôn L, xã S, huyện H, tỉnh Hải Dương (đều xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn: Chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn H được tự do tìm hiểu và có tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào tháng 02/1992. Tuy nhiên, do suy nghĩ đơn giản nên anh chị không đăng kí kết hôn tại UBND xã. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị và anh H có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế, anh H không quan tâm tới vợ con, thường xuyên vắng nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Đến nay chị xác định không còn tình cảm với anh H nên đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Đỗ Văn Hoàng V, sinh năm 1993 và Đỗ Thu U, sinh ngày 12/10/2001. Do cháu V đã thành niên nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu U ở với ai chị tôn trọng theo nguyện vọng của cháu.

Về quan hệ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Đỗ Văn H trình bày: Anh và chị L được tự do tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Dù sau đó có thời gian xã đã thông báo trên đài phát thanh về thủ tục đăng ký kết hôn nhưng do bận đi làm nên anh chị vẫn chưa đăng ký theo quy định pháp luật. Anh thỉnh thoảng hay đi làm xa, không thông tin gì về cho vợ con, lần gần đây nhất anh đi khoảng 7 đến 8 năm không có thông tin liên lạc gì với gia đình nên vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân gần chục năm nay. Nay chị L xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung, anh nhất trí ý kiến như chị L đã trình bày.

Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu xác minh chính quyền địa phương, gia đình anh H đều thể hiện: Vợ chồng anh H, chị L chỉ tổ chức cưới theo phong tục tập quán vào năm 1992 mà không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Sau khi cưới, anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Anh H thường xuyên đi làm xa, không quan tâm tới mẹ con chị L.

* Cháu U ý kiến có nguyện vọng xin ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Vụ án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn không đến tham gia phiên Hòa giải theo thông báo của Tòa án và trước đó đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn H là vợ chồng. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thu U, sinh ngày 12/10/2001 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên; chấp nhận sự tự nguyện của chị Ly không yêu cầu anh Hưng phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục chung. Chị L, anh H, gia đình anh H cũng như UBND xã T đều xác định chị L, anh H không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Trường hợp nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay hai bên có mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau và chị L có đơn xin ly hôn anh H, vì vậy cần xử không công nhận chị L, anh H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị L, anh H có 02 con chung là Đỗ Văn Hoàng V, sinh năm 1993 và Đỗ Thu U, sinh ngày 12/10/2001. Do cháu V đã thành niên nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết. Cháu U có nguyện vọng xin được ở với mẹ; chị L, anh H nhất trí nguyện vọng của con. Do vậy, cần giao cháu U cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và ý chí của các bên đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị L và anh Đỗ Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Thu U, sinh ngày 12/10/2001 cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000355 ngày 22/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, chị L đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nhung